

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2014

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc ban hành dạng thức chung đề thi đánh giá năng lực bậc đại học và sau đại học**

#### **GIÁM ĐỐC**

#### **ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3079/QĐ-ĐHQGHN ngày 26/10/2010; được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHQGHN, ngày 08/3/2013 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/5/2011; được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 3050/QĐ-ĐHQGHN, ngày 17/9/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng ban Đào tạo,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này dạng thức chung đề thi đánh giá năng lực bậc đại học và sau đại học.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí và áp dụng tuyển sinh vào các chương trình đào tạo đại học chính quy và chuyên ngành đào tạo thạc sĩ theo phương thức đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2014.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng ban Đào tạo, Viện trưởng Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, các Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy, sau đại học chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. ✓

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, Ban ĐT, Th50.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Kim Sơn**

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50

# ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

---

## ĐẠNG THỨC CHUNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC DÙNG CHO TUYỂN CHỌN SINH VIÊN VÀO HỌC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÀI NĂNG, TIÊN TIÊN, ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ VÀ CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 2014 Ở ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

*(kèm theo Quyết định số 1819 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 02 tháng 6 năm 2014  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

### 1. Mô tả khái quát

Dạng thức chung đề thi là bản thiết kế xây dựng các đề thi chuẩn hóa theo hướng đánh giá các năng lực của người học làm một trong các căn cứ tuyển chọn người vào học đại học (ĐH).

Cụ thể, dạng thức chung đề thi ĐH mô tả số lượng câu hỏi, số phần trong đề thi, thời gian cho từng phần, mục tiêu đánh giá, lĩnh vực kiến thức, cấp độ năng lực đánh giá, phương pháp chấm điểm, phương pháp làm bài và phương pháp tính điểm của đề thi.

Đề thi hướng đến đánh giá các năng lực cốt lõi cần thiết để người học có thể học ở bậc đại học bao gồm năng lực tư duy định tính và năng lực tư duy định lượng thông qua nội dung kiến thức thuộc chương trình Trung học phổ thông.

Độ khó của các câu hỏi thi thuộc mỗi phần được phân định theo tỉ lệ: 20% ở cấp độ dễ, 60% ở cấp độ trung bình và 20% ở cấp độ khó.

### 2. Cấu trúc của đề thi

#### 2.1. Cấu trúc chung

Đề thi bao gồm 2 phần trắc nghiệm: phần bắt buộc và phần tự chọn

2.1.1. Phần bắt buộc bao gồm:

a) Tư duy định lượng 1: Kiến thức Toán học

b) Tư duy định tính 1: Kiến thức Ngữ văn

Cơ cấu kiến thức trong phần bắt buộc được phân bổ như sau:

- Kiến thức trong chương trình lớp 10: 10%
- Kiến thức trong chương trình lớp 11: 20%
- Kiến thức trong chương trình lớp 12: 70%

*WST*

2.1.2. Phần tự chọn: Thí sinh chọn 1 trong 2 nội dung dưới đây:


a) Tự duy định lượng 2: Kiến thức Vật lý, Hóa học, Sinh học

b) Tự duy định tính 2: Kiến thức Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân

Cơ cấu kiến thức trong phần tự chọn được phân bổ như sau:

- Kiến thức trong chương trình lớp 11: 30%

- Kiến thức trong chương trình lớp 12: 70%

Tổng số câu hỏi thí sinh phải thực hiện là 140 câu, tổng thời gian thực hiện là 195 phút. Số lượng câu hỏi và thời gian quy định đối với từng phần được mô tả chi tiết ở mục 2.2. 

## 2.2. Cấu trúc chi tiết

Phần nội dung	Lĩnh vực kiến thức	Dạng thức câu hỏi	Số câu hỏi	Đo lường năng lực (Mục tiêu đánh giá)
<b>Phần bắt buộc</b>				
Tư duy định lượng 1 Toán học (80 phút)	Đại số; Hình học; Giải tích; Thống kê và xác suất sơ cấp.	35 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn/ một đáp án đúng duy nhất  15 câu tự tìm ra đáp án	50 câu	Năng lực tư duy định lượng với các cấp độ hiểu, tính toán, suy luận, giải quyết vấn đề, ứng dụng, đo lường, sáng tạo
Tư duy định tính 1 Ngữ văn (60 phút)	Ngữ liệu liên quan đến nhiều lĩnh vực trong đời sống như văn học, ngôn ngữ (từ vựng – ngữ pháp), văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, nghệ thuật, v.v.	Trắc nghiệm 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất	50 câu	Năng lực tư duy định tính với các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, suy luận, đánh giá, giải quyết vấn đề
<b>Phần tự chọn (Thí sinh chọn 1 trong 2 nội dung)</b>				
Tư duy định lượng 2 Kiến thức Vật lý, Hóa học, Sinh học (40 câu/55 phút)	Vật Lý: Cơ học, Điện học, Quang học, Từ trường, Vật lý hạt nhân nguyên tử và Lượng tử ánh sáng	Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 đáp án đúng duy nhất	15	Năng lực tư duy định lượng ở các cấp độ hiểu, tính toán, suy luận, giải quyết vấn đề, ứng dụng, đánh giá thông qua lĩnh vực Vật lý
	Hóa học: Hóa học đại cương (các nguyên tố, cấu tạo nguyên tử); Hóa vô cơ; Hóa hữu cơ	Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 đáp án đúng duy nhất	15	Năng lực tư duy định lượng ở các cấp độ hiểu, tính toán, suy luận, giải quyết vấn đề, ứng dụng, đánh giá thông qua lĩnh vực Hóa học

1/1

Phần nội dung	Lĩnh vực kiến thức	Dạng thức câu hỏi	Số câu hỏi	Đo lường năng lực (Mục tiêu đánh giá)
	Sinh học: Sinh học cơ thể, Di truyền và biến dị, Tiến hóa...	Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 đáp án đúng duy nhất	10	Năng lực tư duy định lượng ở các cấp độ hiểu, tính toán, suy luận, giải quyết vấn đề, ứng dụng, đánh giá thông qua lĩnh vực Sinh học
Tư duy định tính 2 Kiến thức Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân (40 câu/55 phút)	Lịch sử: Lịch sử thế giới cận – hiện đại Lịch sử Việt Nam cận – hiện đại...	- <i>Đọc hiểu</i> ; - Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 đáp án đúng duy nhất	15	Năng lực tư duy định tính với các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, suy luận, đánh giá, giải quyết vấn đề thông qua lĩnh vực Lịch sử
	Địa lý: Địa lý tự nhiên, Địa lý dân cư, Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Địa lý các ngành kinh tế, Địa lý các vùng kinh tế	- <i>Đọc hiểu</i> ; - Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 đáp án đúng duy nhất	15	Năng lực tư duy định tính với các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, suy luận, đánh giá, giải quyết vấn đề thông qua lĩnh vực Địa lý
	Giáo dục công dân: Nhà nước và pháp luật; Hàng hóa – tiền tệ - thị trường; Kinh tế hàng hóa; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Các chính sách về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ; văn hóa; quốc phòng – an ninh...	- <i>Đọc hiểu</i> ; - Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 đáp án đúng duy nhất	10	Năng lực tư duy định tính với các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, suy luận, đánh giá, giải quyết vấn đề thông qua lĩnh vực Giáo dục công dân
<b>Tổng (195 phút)</b>			<b>140 câu</b>	

VST

### 3. Trình tự làm bài

Việc làm bài được thực hiện trên máy tính tại các phòng thi đủ tiêu chuẩn.

Thí sinh lần lượt làm hết phần bắt buộc, sau đó làm phần tự chọn. Bài thi hợp lệ phải làm cả phần bắt buộc và phần tự chọn (1 trong 2 nội dung tự chọn).

### 4. Phương pháp chấm điểm

Bài làm của thí sinh được chấm trực tiếp trên máy bằng các phần mềm thích hợp.

### 5. Phương pháp tính điểm và Phiếu điểm

#### 5.1. Phương pháp tính điểm

Kết quả thi của thí sinh được tính bằng tổng số câu trả lời đúng trong bài thi. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, câu trả lời sai hoặc không trả lời không được điểm.

Tổng điểm toàn bài là 140 điểm.

#### 5.2. Phiếu điểm

Trong Phiếu điểm của mỗi thí sinh sẽ có các thông tin:

(i) Tổng điểm (0 – 140);

(ii) Tư duy định lượng 1: Kiến thức Toán học (0-50);

(iii) Tư duy định tính 1: Kiến thức Ngữ văn (0-50);

(iv) Tư duy định lượng 2: Kiến thức Vật lý, Hóa học, Sinh học: (0- 40).

Hoặc Tư duy định tính 2: Kiến thức Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân: (0- 40).

### 6. Bảo mật đề thi

Thí sinh không được phép ghi âm, chụp ảnh hoặc sao lưu, chia sẻ thông tin về các câu hỏi thi của đề thi dưới bất cứ hình thức nào.

VAT

**DẠNG THỨC CHUNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐỀ TUYỂN  
CHỌN NGƯỜI HỌC SAU ĐẠI HỌC**

*(kèm theo Quyết định số 1819/QĐ-ĐHQGHN, ngày 02 tháng 6 năm 2014  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

**1. Mô tả khái quát**

Dạng thức chung đề thi là bản thiết kế xây dựng các đề thi chuẩn hóa theo hướng đánh giá các năng lực của người học làm căn cứ tuyển chọn người vào học sau đại học (SDH).

Cụ thể, dạng thức chung đề thi SDH mô tả số lượng câu hỏi, số phần trong đề thi, thời gian cho từng phần, mục tiêu đánh giá, lĩnh vực kiến thức, cấp độ năng lực đánh giá, phương pháp chấm điểm, phương pháp làm bài, và phương pháp tính điểm của bài thi.

Đề thi hướng đến đánh giá các năng lực cốt lõi cần thiết của bậc sau đại học bao gồm năng lực tư duy định tính và năng lực tư duy định lượng thông qua nội dung kiến thức ở bậc đại học và các kiến thức xã hội.

**2. Cấu trúc đề thi**

Đề thi được chia làm hai loại: đề thi dành cho tuyển sinh SDH vào các chuyên ngành khối Khoa học xã hội và nhân văn và đề thi dành cho tuyển sinh SDH vào các chuyên ngành khối Khoa học tự nhiên và Công nghệ.

**2.1. Cấu trúc chung**

Đề thi bao gồm 2 phần là phần Viết luận và phần Trắc nghiệm.

Phần Viết luận yêu cầu ứng viên viết 1 bài luận (essay) khoảng 550-600 từ thể hiện năng lực lập luận, năng lực sáng tạo và động cơ học tập/nghiên cứu của ứng viên; Phần trắc nghiệm bao gồm phần chung cho 2 đề thi nhằm đánh giá khối kiến thức chung (thuộc kiến thức cơ bản của “Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 và 2”) và phần riêng biệt cho khối ngành Khoa học tự nhiên, Công nghệ và khối ngành Khoa học xã hội và nhân văn. Phần trắc nghiệm yêu cầu ứng viên trả lời các câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn có 1 đáp án đúng duy nhất hoặc tự tìm ra đáp án.

Tổng thời gian làm bài là 150 phút, trong đó phần viết luận là 50 phút, phần trắc nghiệm là 100 phút.

Tổng số phần, số lượng câu hỏi và thời gian quy định đối với từng phần được mô tả chi tiết ở bảng sau:

WST



2.2. Cấu trúc chi tiết đề thi đánh giá năng lực tuyển sinh SDH vào khối ngành Khoa học tự nhiên, Công nghệ

Phân nội dung	Lĩnh vực kiến thức	Dạng thức câu hỏi	Số câu hỏi/bài	Đo lường năng lực (Mục tiêu đánh giá)
<b>Phần 1. Thời gian làm bài: 50 phút</b>				
Viết luận	Lĩnh vực gần với ngành đăng ký: Khoa học tự nhiên, Công nghệ	Viết luận	1 bài	Năng lực lập luận, năng lực sáng tạo, động cơ học tập/nghiên cứu của người học
<b>Phần 2. Thời gian làm bài: 100 phút</b>				
Tư duy định tính 1	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Đọc hiểu Câu hỏi 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất	15	Năng lực tư duy định tính ở các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, suy luận, phản biện và đánh giá các vấn đề thông qua các bài đọc thuộc khối kiến thức về những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
Tư duy định tính 2	Ngôn ngữ (Từ vựng – Ngữ pháp; Đọc hiểu)	Câu hỏi 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất	5	Năng lực tư duy định tính ở các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, suy luận và đánh giá thông qua ngôn ngữ
	Logic học	Câu hỏi 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất	5	Năng lực tư duy định tính ở các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, suy luận, phản biện và đánh giá các vấn đề của logic học, trong đó tập trung chủ yếu ở các suy luận logic
Tư duy định lượng	Đại số tuyến tính, Giải tích (bao gồm phương trình vi phân), Xác suất thống kê	Câu hỏi 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất	25	Năng lực tư duy định lượng ở các cấp độ hiểu, tổng hợp, đánh giá và vận dụng được các kiến thức thuộc lĩnh vực toán học và Khoa học tự nhiên để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kiến thức hoặc xuất phát từ thực tế cuộc sống phù hợp với trình độ chung của người đã tốt nghiệp đại học
Tổng			50 câu hỏi và 1 bài luận	

*KS*

2.3. Cấu trúc chi tiết đề thi đánh giá năng lực tuyển sinh SDH vào khối ngành Khoa học xã hội và nhân văn

Phần nội dung	Lĩnh vực kiến thức	Dạng thức câu hỏi	Số câu hỏi/bài	Đo lường năng lực (Mục tiêu đánh giá)
<b>Phần 1. Thời gian làm bài: 50 phút</b>				
Viết luận	Lĩnh vực gần với ngành đăng ký: Khoa học xã hội, Luật, Kinh tế, Giáo dục	Viết luận	1 bài	Năng lực lập luận, năng lực sáng tạo, động cơ học tập/nghiên cứu của người học
<b>Phần 2. Thời gian làm bài: 100 phút</b>				
Tư duy định tính 1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Đọc hiểu Câu hỏi 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất	15	Năng lực tư duy định tính ở các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, suy luận, phản biện và đánh giá các vấn đề thông qua các bài đọc thuộc khối kiến thức về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
Tư duy định tính 2	Ngôn ngữ (từ vựng – ngữ pháp; đọc hiểu)	Câu hỏi 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất	5	Năng lực tư duy định tính ở các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, suy luận và đánh giá thông qua ngôn ngữ
	Logic học	Câu hỏi 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất	15	Năng lực tư duy định tính ở các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, suy luận, phản biện và đánh giá các vấn đề của logic học, trong đó tập trung chủ yếu ở các suy luận logic
	Lịch sử - Văn hóa – Xã hội	Đọc hiểu Câu hỏi 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất	10	Năng lực tư duy định tính ở các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, suy luận, phản biện và đánh giá các vấn đề thông qua các bài đọc thuộc lĩnh vực lịch sử, văn hóa và đời sống xã hội
Tư duy định lượng	Thống kê ứng dụng	Câu hỏi 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất	5	Năng lực tư duy định lượng ở các cấp độ hiểu và vận dụng được các kiến thức về thống kê ứng dụng phù hợp với trình độ chung của người học đã tốt nghiệp đại học
<b>Tổng</b>			<b>50 câu và 1 bài luận</b>	

### **3. Phương pháp tính điểm**

Tổng điểm của toàn bài thi là 150 điểm. Phần trắc nghiệm sẽ được tính điểm dựa trên tổng số câu trả lời đúng của thí sinh. Mỗi câu trả lời đúng được 2 điểm, câu trả lời sai hoặc không trả lời không được điểm. Tổng điểm của phần trắc nghiệm là 100 điểm. Phần viết luận của thí sinh sẽ được chấm theo thang điểm 50.

**4. Hình thức thi:** Thi trên giấy.

**5. Phiếu làm bài:** Thí sinh làm bài trên Phiếu viết luận và Phiếu trắc nghiệm riêng biệt.

**6. Phương pháp làm bài:** Sau khi hoàn thành phần Viết luận, thí sinh nộp bài tại chỗ cho giám thị và tiếp tục thực hiện phần thi trắc nghiệm.

**7. Phương pháp chấm điểm:** Bài luận sẽ do tiểu ban chấm thi chấm điểm theo Hướng dẫn khung chấm điểm đã được xây dựng từ trước; các phần trắc nghiệm sẽ được chấm trên máy bằng các phần mềm thích hợp./.